

Deloitte.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT
DẦU KHÍ VIỆT NAM**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC
SOÁT XÉT**

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 38

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con được gọi chung là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Thái Quốc Hiệp	Chủ tịch
Ông Tạ Đức Tiến	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Hùng Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Hải	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 9 tháng 7 năm 2012)
Ông Lê Minh Tiến	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Dân	Thành viên
Ông Phạm Văn Dũng	Thành viên
Bà Nguyễn Thanh Hương	Thành viên (Bỏ nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2012)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hùng Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tấn Hòa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trần Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Cự Tân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Mậu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Long	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 24 tháng 5 năm 2012)
Ông Phan Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Hải	Phó Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 9 tháng 7 năm 2012)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong giai đoạn. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không.
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Cuay Nguyễn Hưng Dũng *Như*
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 8 năm 2012

27
NH
NG
HỆM
OI
T I
HÀ
PHC

Số: 0114 /Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

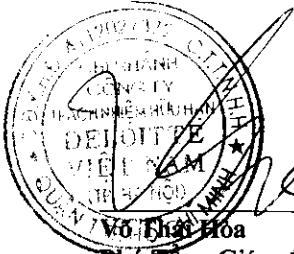
**Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất") được lập ngày 29 tháng 8 năm 2012 của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty mẹ") và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con được gọi chung là "Tổng Công ty"), từ trang 4 đến trang 38. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tổng công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Tổng Công ty đã hợp nhất khoản đầu tư vào các công ty liên doanh ở nước ngoài bao gồm Malaysia Vietnam Offshore Terminal Limited (MVOT), Rông Đồi MV12 và Vietnam Offshore Floating Terminal (VOFT) vào báo cáo tài chính hợp nhất này theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Chúng tôi không tiến hành soát xét các báo cáo tài chính của các công ty liên doanh này.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được nêu tại đoạn 3 ở trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Vũ Nhật Hòa
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0138/KTV
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 29 tháng 8 năm 2012
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Văn Đình Khuê
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1178/KTV

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU B 01-DN/HN

Đơn vị: Triệu đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		13.273.219	14.148.471
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	5.833.961	6.082.192
1. Tiền	111		3.805.312	3.841.283
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.028.649	2.240.909
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		13.346	80.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		13.346	80.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.958.985	6.495.746
1. Phải thu khách hàng	131		4.424.337	5.258.648
2. Trả trước cho người bán	132		103.850	107.070
3. Các khoản phải thu khác	135	5	1.462.080	1.186.518
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(31.282)	(56.490)
IV. Hàng tồn kho	140	6	1.250.398	1.129.396
1. Hàng tồn kho	141		1.254.168	1.133.166
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.770)	(3.770)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		216.529	361.137
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		25.979	15.638
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		171.647	262.270
3. Các khoản khác phải thu Nhà nước	154	7	1.498	71.378
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		17.405	11.851

T.H.T.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU B 01-DN/HN

Đơn vị: Triệu đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	31/12/2011
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		9.645.537	9.398.025
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		158	159
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		565	373
2. Phải thu dài hạn khác	218		600	159
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(1.007)	(373)
II. Tài sản cố định	220		6.756.276	6.455.868
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	6.455.092	5.728.613
- Nguyên giá	222		9.957.241	8.795.058
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.502.149)	(3.066.445)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	12.162	17.389
- Nguyên giá	228		29.606	31.110
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(17.444)	(13.721)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	289.022	709.866
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2.299.373	2.342.420
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	12	1.989.561	2.004.518
2. Đầu tư dài hạn khác	258	13	321.190	348.636
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	13	(11.378)	(10.734)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		589.730	599.578
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	547.606	596.858
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	39.496	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		2.628	2.720
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		22.918.756	23.546.496

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

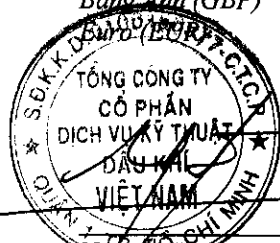
MẪU B 01-DN/HN

Đơn vị: Triệu đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		15.652.488	16.684.179
I. Nợ ngắn hạn	310		10.898.669	12.178.762
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	1.096.953	2.563.101
2. Phải trả người bán	312		3.510.622	3.561.007
3. Người mua trả tiền trước	313		1.276.723	1.211.724
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	236.433	700.409
5. Phải trả người lao động	315		329.746	451.184
6. Chi phí phải trả	316	18	2.081.294	1.640.331
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	19	2.164.792	1.999.284
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		202.106	51.722
II. Nợ dài hạn	330		4.753.819	4.505.417
1. Phải trả dài hạn người bán	331	20	411.474	411.474
2. Phải trả dài hạn khác	333	21	295.234	526.248
3. Vay và nợ dài hạn	334	22	3.808.749	3.322.796
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	335	15	-	5.899
5. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		8.675	9.313
6. Dự phòng phải trả dài hạn	337	23	229.687	229.687
B. NGUỒN VỐN	400		5.714.530	5.913.548
I. Vốn chủ sở hữu	410	24	5.714.475	5.913.475
1. Vốn điều lệ	411		2.978.021	2.978.021
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		486.222	486.293
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(1.284)	(766)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.041.359	691.202
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		170.202	107.896
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		2.114	335
7. Lợi nhuận chưa phân phối	420		1.037.841	1.650.494
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		55	73
1. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		55	73
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	25	1.551.738	948.769
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	600		22.918.756	23.546.496

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Ngoại tệ các loại	30/6/2012	31/12/2011
Dollar Mỹ (USD)	34.558.073,58	42.197.968,44
Bảng Anh (GBP)	-	1.466,37
Đông Đức (DEM)	18.264,75	-



Nguyễn Hằng Dũng *NHD*

Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2012

Cua

Nguyễn Xuân Cường *NXC*
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU B 02-DN/HN

Đơn vị: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	11.429.150	11.097.870
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	785
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		11.429.150	11.097.085
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	10.501.977	10.269.099
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		927.173	827.986
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	221.992	306.731
7. Chi phí tài chính	22	31	190.099	514.396
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		117.096	128.359
8. Chi phí bán hàng	24		27.686	25.536
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		289.480	224.967
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		641.900	369.818
11. Thu nhập khác	31	32	55.508	247.610
12. Chi phí khác	32	33	31.698	35.641
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		23.810	211.969
14. Lợi nhuận/(lỗ) thuần trong công ty liên kết, liên doanh	41	34	127.547	(46.457)
15. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		793.257	535.330
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	35	203.497	87.888
17. (Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(45.395)	13.820
18. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		635.155	433.622
<i>Phân bổ cho:</i>				
<i>Lợi ích của cổ đông của Tổng Công ty</i>			590.017	424.433
<i>Lợi ích của cổ đông thiểu số</i>	61	25	45.138	9.189
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	70	36	1.981	1.556



Nguyễn Hùng Dũng
 Tổng Giám đốc
 Ngày 29 tháng 8 năm 2012

Nguyễn Xuân Cường
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012**MẪU B 03-DN/HN**

Đơn vị: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	793.257	535.330
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	646.054	391.476
Các khoản dự phòng	03	(23.930)	(42)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	8.904	223.713
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(180.342)	(262.920)
Chi phí lãi vay	06	117.096	128.359
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.361.039	1.015.916
Biến động các khoản phải thu	09	529.367	(1.639.107)
Biến động hàng tồn kho	10	(121.002)	(459.261)
Biến động các khoản phải trả	11	(1.914.486)	3.464.235
Biến động chi phí trả trước	12	38.911	(168.251)
Tiền lãi vay đã trả	13	(131.378)	(204.568)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(381.014)	(121.788)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	92	79.494
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(58.425)	(19.867)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(676.896)	1.946.803
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua và xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(175.581)	(679.836)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	553	14.560
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	30.446	28.454
4. Tiền chi đầu tư vốn vào đơn vị khác	25	(42.489)	(485.726)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	66.654	177.880
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	358.518	107.880
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	238.101	(836.788)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	539.899
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.014.880	1.279.711
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(496.471)	(703.152)
4. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(287.493)	(144.984)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	230.916	971.474
Lưu chuyển tiền thuần trong giai đoạn	50	(207.879)	2.081.489
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu giai đoạn	60	6.082.192	2.786.042
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	(40.352)	5.088
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối giai đoạn	70	5.833.961	4.872.619

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

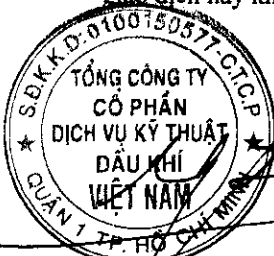
Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền mua tài sản cố định không bao gồm số tiền 752.709 triệu đồng (năm 2011: 595.207 triệu đồng) là số tiền mua tài sản cố định trong giai đoạn chưa thanh toán cho người bán. Theo đó, một khoản tiền tương ứng được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Cổ tức đã trả cho cổ đông không bao gồm số tiền 312.699 triệu đồng (năm 2011: 4.587 triệu đồng) là khoản cổ tức chưa thanh toán cho cổ đông tại ngày 30 tháng 6 năm 2012. Theo đó, một khoản tiền tương ứng được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền chi đầu tư và góp vốn vào công ty khác không bao gồm số tiền 774.373 triệu đồng (năm 2011: 1.646.969 triệu đồng) là khoản tiền đầu tư dài hạn khác được thanh toán bằng cách bù trừ công nợ với các công ty này. Các giao dịch này không ảnh hưởng đến dòng tiền lưu chuyển và vì vậy, không được trình bày trong báo cáo trên đây.



Nguyễn Hùng Dũng
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 8 năm 2012

Nguyễn Xuân Cường
Kế toán trưởng

11/20
CHI
CỘ
KACHNH
DEL
VIỆ
TP.
VIỆ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu Khí Việt Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015198 ngày 29 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 4 số 0100150577 ngày 28 tháng 10 năm 2009 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết chính thức tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 20 tháng 9 năm 2007 với mã chứng khoán là PVS. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam là cổ đông chính và là Công ty mẹ của Tổng công ty.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 7.944 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 8.229 người).

Tổng Công ty có 13 công ty con và các Chi nhánh trực thuộc như sau:

- Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Cơ khí Hàng hải
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi
- Công ty Cổ phần Lắp đặt, Vận hành Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí biển PTSC
- Công ty Cổ phần Khách sạn Dầu khí PTSC
- Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa
- Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ
- Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa Dầu khí
- Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát Công trình ngầm PTSC
- Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Quảng Bình
- Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ
- Công ty TNHH khảo sát Địa vật lý PTSC CGGV
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng
- Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam tại Hà Nội
- Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng PTSC
- Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Quản lý dự án Nhiệt điện Long Phú

Hoạt động chính

Kinh doanh dịch vụ dầu khí; Quản lý, kinh doanh, khai thác các tàu dịch vụ; Dịch vụ căn cứ Cảng; Dịch vụ cung ứng tàu biển, dịch vụ kiểm đếm và giao nhận vận chuyển hàng hoá; Quản lý kinh doanh và khai thác các tàu chứa dầu (FSO), tàu chứa và xử lý dầu (FPSO); Quản lý, tổ chức thực hiện các hoạt động trong lĩnh vực cơ khí hàng hải; Gia công, lắp ráp, chế tạo các cấu kiện, thiết bị dầu khí; Chế tạo và lắp đặt các loại bể chứa xăng dầu, khí hóa lỏng và các loại đường ống dẫn dầu, dẫn khí; Sửa chữa tàu biển và các công trình dầu khí biển; Dịch vụ khảo sát địa vật lý, địa chất công trình, dịch vụ lặn, khảo sát công trình ngầm bằng thiết bị ROV phục vụ công tác tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí và các công trình công nghiệp, dân dụng; Bảo dưỡng, sửa chữa, đóng mới, hoán cải các phương tiện nổi; Xuất nhập khẩu thiết bị và vật tư dầu khí; Cung cấp lao động chuyên ngành dầu khí; Dịch vụ vận hành và bảo dưỡng các công trình khai thác dầu khí; Kinh doanh khách sạn và văn phòng làm việc; Dịch vụ đại lý tàu biển và môi giới hàng hải; Dịch vụ thuê tàu, môi giới tàu biển, lai dắt tàu biển và cứu hộ; Kinh doanh các sản phẩm dầu khí và phân đạm.

737
HÀN
KỲ
MHI
DIT
N.
HÀ N
10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng triệu đồng (triệu VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty được lập cho giai đoạn 6 tháng từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 hàng năm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giá định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt giai đoạn. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con) được lập cho giai đoạn 6 tháng từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong giai đoạn được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó không được ghi nhận.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế thương mại nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại là 10 năm.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Công nợ tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác ngắn hạn và dài hạn, các khoản nợ, các khoản vay và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và khi giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 50
Máy móc, thiết bị	3 - 8
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị quản lý	3 - 8
Tài sản khác	3 - 8

1/2012 VI 09/11

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và các phần mềm quản lý và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất, còn quyền sử dụng đất lâu dài thì không tính khấu hao theo quy định hiện hành. Phần mềm quản lý được khấu hao trong thời gian 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng cơ bản của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cấp có thẩm quyền.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm quyền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền thuê văn phòng, chênh lệch do xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích chuyển đổi các công ty con và chi nhánh và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo thời gian sử dụng của lô đất.

Tiền thuê đất phản ánh số tiền thuê 264.985 m² đất trả trước cho Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (UDEP) để sử dụng vào mục đích xây dựng Cảng Đạm và Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ với thời hạn 25 năm. Khoản tiền thuê đất này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm căn cứ vào tình hình thực tế sử dụng. Tiền thuê văn phòng tòa nhà số 1-5 Lê Duẩn bắt đầu phát sinh từ tháng 10 năm 2010 với thời hạn là 50 năm. Tổng Công ty phân bổ khoản tiền thuê này vào kết quả hoạt động kinh doanh theo thời gian thuê và diện tích sử dụng hàng năm.

Chênh lệch do xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích chuyển đổi các công ty con và chi nhánh được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh từ 2 đến 10 năm kể từ khi các công ty này đi vào hoạt động chính thức theo hình thức công ty cổ phần.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng thực tế.

Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư vào cổ phiếu với tỷ lệ sở hữu nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác được hạch toán theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Tổng Công ty là bên cho thuê

Doanh thu từ các khoản cho thuê hoạt động được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Chi phí trực tiếp phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tổng Công ty là bên đi thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu khi ký hợp đồng thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều giai đoạn thì doanh thu được ghi nhận trong giai đoạn theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc giai đoạn. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư (trừ lãi từ đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh) được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập báo cáo tài chính so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

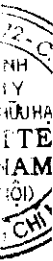
Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong giai đoạn.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong giai đoạn.

Hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC như trên có khác biệt so với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” (VAS10). Theo VAS10, tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Việc hạch toán chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC làm lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 tăng 518 triệu đồng (năm 2011: 141.191 triệu đồng), đồng thời khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” và “Lợi nhuận chưa phân phối” được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 lần lượt tăng và giảm một khoản tương ứng với số tiền 1.284 triệu đồng so với áp dụng theo VAS10.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hay sản xuất tài sản cố định cho năm tài chính trước khi được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản (được vốn hóa); chi phí đi vay phát sinh sau khi tài sản đã đưa vào sử dụng, kinh doanh được ghi nhận vào chi phí trong giai đoạn.

Chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp phản ánh tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong giai đoạn. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì lợi nhuận thuần không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2012	31/12/2011
	<u>Triệu đồng</u>	<u>Triệu đồng</u>
Tiền mặt	8.840	10.318
Tiền gửi ngân hàng	3.766.695	3.830.802
Tiền đang chuyển	29.777	163
Các khoản tương đương tiền	2.028.649	2.240.909
	<u>5.833.961</u>	<u>6.082.192</u>

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số dư các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 bao gồm số tiền 2.672.180.179 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 2.522.853.902 đồng) là khoản được thế chấp tại Ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Tổng Công ty.

5. PHẢI THU KHÁC

	30/6/2012	31/12/2011
	<u>Triệu đồng</u>	<u>Triệu đồng</u>
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Phương tiện nổi PTSC	227.888	-
Công ty Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất (DQS)	135.243	-
Ban quản lý dự án nhiệt điện Long Phú - Sông Hậu	224.598	183.410
YINSON HOLDING BERHAD	-	182.000
Tổng Công ty Tài chính Cổ Phần Dầu khí Việt Nam (PVFC)	224.157	226.514
Xí nghiệp liên doanh dầu khí Vietsovpetro	8.640	89.955
Ký quỹ mở LC	32.121	273.891
Công ty xăng dầu Idemitsu	-	112.462
CGGVeritas Services SA	84.975	-
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	37.576	-
Công ty Krisenergy	95.243	-
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí trong nước	148.719	-
Phải thu khác	242.920	118.286
	<u>1.462.080</u>	<u>1.186.518</u>

Phải thu khác từ Công ty Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất thể hiện khoản phải thu tiền chuyển nhượng 15 triệu cổ phần sở hữu tại Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Phương tiện nổi PTSC.

Phải thu khác từ Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Phương tiện nổi PTSC thể hiện khoản phải thu liên quan đến việc chuyển nhượng giá trị xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Nhà máy Đóng tàu Đặc chủng Nhơn Trạch nhận bàn giao từ Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam (gọi tắt là "Vinashin") theo Nghị quyết số 7090/NQ-DKVN ngày 12 tháng 8 năm 2010 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Nghị quyết số 2047/NQ-DVKT-HDQT ngày 5 tháng 7 năm 2011 của Tổng Công ty. Khoản phải thu này có thể được điều chỉnh sau khi Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phê duyệt chính thức giá trị dự án Nhà máy Đóng tàu Đặc chủng Nhơn Trạch.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***6. HÀNG TỒN KHO**

	30/6/2012 <u>Triệu đồng</u>	31/12/2011 <u>Triệu đồng</u>
Hàng mua đang đi đường	11.330	18.048
Nguyên liệu, vật liệu	210.421	126.474
Công cụ, dụng cụ	15.331	9.861
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.016.591	978.405
Hàng hóa	495	378
	1.254.168	1.133.166
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.770)	(3.770)
	1.250.398	1.129.396

7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

Thuế và các khoản phải thu nhà nước bao gồm thuế thuế giá trị gia tăng nộp thừa tại Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa Dầu khí.

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc <u>Triệu đồng</u>	Máy móc, thiết bị <u>Triệu đồng</u>	Phương tiện vận tải <u>Triệu đồng</u>	Thiết bị quản lý <u>Triệu đồng</u>	Tài sản khác <u>Triệu đồng</u>	Tổng <u>Triệu đồng</u>
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 1/1/2012	2.942.020	1.018.890	4.740.122	82.885	11.141	8.795.058
Mua sắm mới	582	33.054	49.611	4.542	145	87.934
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	134.072	4.835	74	-	-	138.981
Tăng do mua bán, chuyển đổi	-	-	1.416.366	-	-	1.416.366
Thanh lý, nhượng bán	-	(491)	(3.800)	(1.651)	-	(5.942)
Giảm khác	(258.394)	(34.843)	(171.676)	(1.679)	(8.564)	(475.156)
Tại ngày 30/6/2012	2.818.280	1.021.445	6.030.697	84.097	2.722	9.957.241
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 1/1/2012	646.157	259.524	2.107.633	49.326	3.805	3.066.445
Khấu hao trong kỳ	253.380	80.388	298.353	8.686	1.029	641.836
Thanh lý, nhượng bán	-	(491)	(3.798)	(1.651)	-	(5.940)
Giảm khác	(16.382)	(8.428)	(170.293)	(889)	(4.200)	(200.192)
Tại ngày 30/6/2012	883.155	330.993	2.231.895	55.472	634	3.502.149
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 30/6/2012	1.935.125	690.452	3.798.802	28.625	2.088	6.455.092
Tại ngày 31/12/2011	2.295.863	759.367	2.632.488	33.559	7.336	5.728.613

Trong giai đoạn, Tổng Công ty đã ký hợp đồng thuê khách sạn dầu khí tại số 0-11 Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, theo đó giá trị tài sản cố định và khấu hao tương ứng năm trước tạm ghi nhận đã được ghi giảm trong giai đoạn.

Như trình bày tại Thuyết minh số 16 và Thuyết minh số 22, Tổng Công ty đã thế chấp các tài sản hình thành từ vốn vay với nguyên giá tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 450.244 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 3.965.823 triệu đồng) để đảm bảo cho một số khoản vay ngân hàng.

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 1.052.753 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 1.030.490 triệu đồng).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Theo Quyết định số 7090/QĐ-DKVN ngày 12 tháng 8 năm 2010, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã quyết định chuyển giao cho Tổng công ty làm chủ Đầu tư dự án Khu Công nghiệp Tàu thủy Nghi Sơn - Thanh Hóa từ Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Tổng Công ty chưa nhận và ghi tăng tài sản do việc chuyển nhượng dự án từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Tổng Công ty vẫn chưa được thực hiện.

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất Triệu đồng	Phần mềm máy tính Triệu đồng	Tổng Triệu đồng
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2012	1.311	29.799	31.110
Tăng trong giai đoạn	-	973	973
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	1.144	1.144
Giảm khác	-	(3.621)	(3.621)
Tại ngày 30/6/2012	1.311	28.295	29.606
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2012	-	13.721	13.721
Khấu hao trong giai đoạn	-	4.219	4.219
Giảm khác	-	(496)	(496)
Tại ngày 30/6/2012	-	17.444	17.444
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2012	1.311	10.851	12.162
Tại ngày 31/12/2011	1.311	16.078	17.389

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/6/2012 Triệu đồng	31/12/2011 Triệu đồng
Dự án mở rộng căn cứ cảng hạ lưu Vũng Tàu	37.154	30.011
Căn cứ chế tạo phương tiện nổi	1.243	1.104
Cảng Phước An	186.180	171.194
Dự án tiếp nhận và Đầu tư MR GĐII Cảng Hòn La	-	1.564
Trung tâm thương mại Đà Nẵng	-	82.071
Xây dựng trạm điện số 4	6.895	-
Khu dịch vụ dầu khí tổng hợp Dung Quất	-	11.294
Khu dịch vụ công ty Halliburton	-	8.466
Cải tạo hệ thống nhà văn phòng, xưởng PTSC Tower Vũng tàu	1.694	-
	8.637	8.637
Dự án Đóng mới và kinh doanh tàu Dịch vụ Đa năng 10.000 HP	2.057	2.057
Nhà máy đóng tàu đặc chủng Nhơn Trạch	-	355.559
Dự án sản xuất thử nghiệm Pin mặt trời	18.303	15.813
Nhà văn phòng PTSC Thanh Hóa	8.064	4.696
Cải tạo nội thất khách sạn	1.729	1.729
Trang bị 01 cần cầu thủy lực HLM 10-3S tàu An Bang	-	1.230
Phần mềm Quản lý nhân sự tiền lương	1.080	1.013
Phần mềm quản lý văn bản tài liệu	-	1.144
Nhà công vụ Cảng Hòn La	2.807	-
Hệ thống cổng trực của Nhà xưởng chế tạo sà	3.362	-
Nhà xưởng chế tạo sà	1.187	-
Xây dựng cơ bản dở dang khác	8.630	12.284
	289.022	709.866

Giá trị thế chấp các công trình xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 0 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 328.432 triệu đồng) để đảm bảo cho một số khoản vay ngân hàng.

172-
NH
TY
HUUH
TTI
NAM
HOD
CHI

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 như sau:

Tên công ty con	Địa điểm	Tỷ lệ sở hữu (%)		Hoạt động chính
		Theo giấy phép đầu tư	Theo vốn thực góp	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cơ khí Hàng hải	Việt Nam	96,24%	96,24%	Dịch vụ chế tạo, lắp đặt công trình dầu khí
Công ty Cổ phần Dịch vụ dầu khí Quảng Ngãi	Việt Nam	95,19%	95,19%	Thương mại, xây dựng
Công ty Cổ phần Lắp đặt, Vận hành Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí biển PTSC	Việt Nam	84,95%	84,95%	Vận hành và bảo dưỡng công trình dầu khí
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa	Việt Nam	54,69%	54,69%	Dịch vụ căn cứ cảng
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ dầu khí Đình Vũ	Việt Nam	52,00%	50,61%	Dịch vụ căn cứ cảng
Công ty Cổ phần Khách sạn dầu khí	Việt Nam	97,07%	97,07%	Dịch vụ khách sạn
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, viễn thông và tự động hóa Dầu Khí	Việt Nam	51,00%	43,35%	Dịch vụ Công nghệ thông tin
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát Công trình ngầm PTSC	Việt Nam	100%	100%	Dịch vụ khảo sát công trình ngầm
Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC-CGGV	Việt Nam	51,13%	51,13%	Dịch vụ khảo sát công trình ngầm
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	Việt Nam	51,00%	51,00%	Dịch vụ khai thác kho chứa nổi FSO, FPSO
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Quảng Bình	Việt Nam	89,88%	94,88%	Dịch vụ căn cứ cảng
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	Việt Nam	99,61%	59,61%	Dịch vụ căn cứ cảng
Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An	Việt Nam	56,80%	56,82%	Dịch vụ căn cứ cảng

Mặc dù Tổng Công ty không sở hữu hơn 50% vốn góp của Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, viễn thông và tự động hóa Dầu Khí, và theo đó Công ty không nắm giữ được hơn 50% quyền biểu quyết, nhưng theo thỏa thuận, Tổng Công ty vẫn được quyền bổ nhiệm và miễn nhiệm phần lớn các thành viên Ban Giám đốc điều hành hoạt động của công ty này. Do vậy, Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, viễn thông và tự động hóa Dầu Khí vẫn thuộc sự kiểm soát của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, viễn thông và tự động hóa Dầu Khí được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất này dưới hình thức công ty con.

Trong giai đoạn, Tổng Công ty đã chuyển nhượng 15 triệu cổ phần sở hữu tại Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Phương tiện nổi PTSC cho Công ty Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất. Tổng số cổ phần Tổng Công ty nắm giữ sau khi chuyển nhượng là 300.000 cổ phần (chiếm 1% vốn điều lệ). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Phương tiện nổi PTSC không còn là công ty con của Tổng Công ty và theo đó, khoản đầu tư này được phân loại và ghi nhận ở mục đầu tư dài hạn khác.

Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC-CGGV là Công ty Trách nhiệm hữu hạn hai thành viên được thành lập từ vốn góp của Tổng Công ty và CGGVeritas Services Holding B.V (Hà Lan) với tỷ lệ vốn góp lần lượt là 28.668.000 đô la Mỹ (51%) và 27.543.765 đô la Mỹ (49%) theo Giấy chứng nhận đầu tư số 491022000358 ngày 09 tháng 11 năm 2011 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Hoạt động chính của Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC-CGGV là cung cấp các dịch vụ thu nhận dữ liệu địa chấn hai chiều (2D) và ba chiều (3D) ngoài khơi trong và ngoài phạm vi lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

	30/6/2012	31/12/2011
	<u>Triệu đồng</u>	<u>Triệu đồng</u>
Giá trị khoản đầu tư gốc	1.533.661	1.491.173
Phần kết quả thuần của các công ty liên kết, liên doanh:		
Các năm trước	328.353	231.485
Trong giai đoạn	127.547	281.860
	<u>1.989.561</u>	<u>2.004.518</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Phần kết quả thuần trong giai đoạn bao gồm phần sở hữu của Tổng Công ty trong lợi nhuận của các công ty liên doanh, liên kết.

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết, liên doanh tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 như sau:

Tên công ty	Địa điểm	Tỷ lệ	Hoạt động chính
		Sở hữu (%)	
Công ty Liên doanh Rông Đồi MV12	Singapore	33,00	Dịch vụ dầu khí
Malaysia VietNam Offshore Terminal Limited (i)	Malaysia	49,00	Dịch vụ tàu thuyền
Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited (ii)	Malaysia	60,00	Dịch vụ tàu thuyền
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	Việt Nam	37,00	Dịch vụ dầu khí
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	Việt Nam	42,05	Dịch vụ căn cứ cảng
Công ty Cổ phần chế tạo Giàn khoan Dầu khí	Việt Nam	28,75	Dịch vụ chế tạo, lắp đặt công trình dầu khí
Công ty Liên doanh PTSC SEA (iii)	Singapore	51	Dịch vụ khai thác kho chứa nổi FSO, FPSO

(i) Malaysia Vietnam Offshore Terminal Limited (gọi tắt là “MVOT”) là liên doanh đồng kiểm soát được thành lập giữa Tổng Công ty và đối tác Malaysia International Shipping Corporation Berhard từ năm 2009 để đầu tư kho nổi FSO “Orkid” sức chứa 650.000 thùng dầu để cho khách hàng Talisman Malaysia Limited thuê trong vòng 10 năm, phục vụ khai thác dầu ngoài khơi tại khu vực chông lán thương mại PM-3 giữa Việt Nam và Malaysia. Kho nổi FSO “Orkid” đã đi vào hoạt động từ năm 2009.

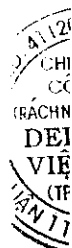
(ii) Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited là liên doanh đồng kiểm soát được thành lập giữa Tổng Công ty và đối tác Malaysia International Shipping Corporation Berhard từ năm 2009, trong đó Tổng Công ty chiếm 60% vốn để sở hữu, quản lý, và khai thác kho nổi chứa dầu FPSO “Ruby II” phục vụ hoạt động thăm dò khai thác dầu khí của khách hàng Petronas. Từ tháng 6 năm 2010, kho nổi “FPSO Ruby II” đã bắt đầu hoạt động và đưa vào vận hành khai thác.

(iii) Công ty Liên doanh PTSC SEA (gọi tắt là “PTSC SEA”) được thành lập trong tháng 9 năm 2011 bởi Tổng Công ty cùng với đối tác Yinson Holdings Berhad (Malaysia) theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 474/BKHDT-DTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 31 tháng 10 năm 2011 để đầu tư đóng mới và cho thuê kho nổi chứa, xuất dầu (FSO) phục vụ Dự án Biển Đông 1. Dự án có tổng vốn đầu tư là 149.318.329 Đô la Mỹ, tương đương 3.071.478 triệu đồng, trong đó vốn góp là 37.329.582 Đô la Mỹ chiếm 25% vốn đầu tư, còn lại là vốn vay. Trong đó vốn góp của Tổng Công ty là 19.038.087 Đô la Mỹ, tương đương 391.613 triệu đồng chiếm 51% vốn điều lệ. Hoạt động của liên doanh là đầu tư và sở hữu FSO “PTSC Biển Đông 01”; cho PTSC thuê tàu trần FSO; tiếp thị và cho thuê tàu sau khi hết hạn hợp đồng; các nội dung công việc khác theo điều lệ công ty. Trong giai đoạn, Tổng Công ty đã góp thêm 42.489 triệu đồng vào liên doanh. PTSC SEA đã đi vào hoạt động từ năm 2011.

13. ĐÀU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	30/6/2012	31/12/2011
	Triệu đồng	Triệu đồng
Cho vay Công ty Liên doanh Rông Đồi MV12	179.407	209.853
Đầu tư góp vốn vào các công ty cổ phần khác	141.783	138.783
	321.190	348.636
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(11.378)	(10.734)
	309.812	337.902

Khoản cho Công ty Liên doanh Rông Đồi MV12 vay là khoản vay không có bảo đảm, được hưởng lãi suất BBA LIBOR và sẽ được hoàn trả hết vào ngày 30 tháng 9 năm 2016. Khoản cho vay nói trên được thực hiện theo thỏa thuận của hợp đồng liên doanh với Công ty Liên doanh Rông Đồi MV12. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, số dư khoản cho vay này tương đương 8.613.744 Đô la Mỹ.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Khoản đầu tư dài hạn khác của Tổng Công ty là các khoản góp vốn vào các công ty cổ phần có cổ phiếu chưa niêm yết trong các doanh nghiệp và Tổng Công ty không có quyền kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể đến các chính sách tài chính và hoạt động.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Tổng Công ty đã xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn khác và trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/6/2012 Triệu đồng	31/12/2011 Triệu đồng
Thuê đất tại Cảng đạm Phú Mỹ	4.850	6.467
Thuê văn phòng tại số 1-5 Lê Duẩn	324.113	325.584
Thuê đất tại Khu kinh tế Đình Vũ	130.859	132.738
Chênh lệch do xác định giá trị doanh nghiệp khi chuyển đổi các công ty con và chi nhánh	68.141	91.288
Đánh giá lại công cụ dụng cụ khi chuyển sang công ty cổ phần	986	3.831
Chi phí trả trước về quyền sử dụng đất tại số 9-11 Hoàng Diệu	-	13.374
Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác	18.657	23.576
	547.606	596.858

Tiền thuê đất phản ánh số tiền thuê 264.985 m² đất trả trước cho Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (UDECI) để sử dụng vào mục đích xây dựng Cảng Đạm và Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ với thời hạn 25 năm. Khoản tiền thuê đất này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm căn cứ vào tình hình thực tế sử dụng. Thời gian phân bổ còn lại là 3 năm.

Khoản trả trước tiền thuê văn phòng tại số 1-5 Lê Duẩn bắt đầu từ tháng 10 năm 2010, thời hạn thuê 50 năm. Tổng Công ty phân bổ khoản tiền thuê này vào kết quả hoạt động kinh doanh theo thời gian thuê và diện tích sử dụng hàng năm.

Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ đã thực hiện thuê 138.269 m² đất tại khu kinh tế Đình Vũ – Hải phòng của Công ty Liên doanh TNHH Phát triển Đình Vũ (nay là Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Đình Vũ) với mục đích đầu tư xây dựng Căn cứ Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí và Cảng phục vụ Khu công nghiệp. Thời hạn thuê đất từ tháng 10 năm 2007 đến tháng 4 năm 2047. Giá trị quyền sử dụng đất thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ tháng 7 năm 2008 đến hết thời hạn của hợp đồng thuê đất.

15. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Tổng Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm.

	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác Triệu đồng	Khấu hao TSCĐ Triệu đồng	Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện Triệu đồng	Lợi nhuận từ công ty liên doanh Triệu đồng	Tổng Triệu đồng
Tại ngày 1/1/2012	95.165	29.312	(5.146)	(125.230)	(5.899)
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	(7.604)	31.282	(3.846)	25.563	45.395
Tại ngày 30/6/2012	87.561	60.594	(8.992)	(99.667)	39.496

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	30/6/2012 <u>Triệu đồng</u>	31/12/2011 <u>Triệu đồng</u>
Vay ngắn hạn	228.630	239.006
<i>Trong đó:</i>		
- Vay từ Tổng công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt nam (PVFC)	228.630	228.630
- Vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	-	10.376
Vay dài hạn đến hạn trả	<u>868.323</u>	<u>2.324.095</u>
	<u>1.096.953</u>	<u>2.563.101</u>

Khoản vay ngắn hạn với số tiền là 228.630.275.888 đồng từ Tổng công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC), bắt đầu từ ngày 15 tháng 6 năm 2012 và thời gian đáo hạn là ngày 15 tháng 9 năm 2012. Mục đích của khoản vay là nhằm vay vốn bắc cầu bổ sung vốn lưu động tạm ứng thanh toán chi phí đóng kho nổi FSO5. PVFC cho vay với lãi suất ưu đãi là 0%/năm. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

Thực hiện theo Công văn số 6351/DKVN-KH ngày 19 tháng 7 năm 2011 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc chuyển nhượng kho nổi chứa dầu FSO5, Tổng Công ty đã hoàn thành các thủ tục chuyển nhượng FSO5 cho Liên doanh Dầu khí Việt Nga ("VSP") trong năm 2011. Theo thỏa thuận, Tổng Công ty đồng thời đã chuyển toàn bộ nợ vay dài hạn gốc Đô la Mỹ từ PVFC phục vụ dự án này sang cho VSP. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, toàn bộ số dư nợ gốc 66.987.422 Đô la Mỹ (tương đương 1.395.214 triệu đồng) phải trả cho PVFC đã được chuyển giao cho VSP theo hình thức cần trừ với khoản phải thu VSP phát sinh từ việc nhận chuyển nhượng công trình này. Tại ngày lập báo cáo này, Tổng Công ty đang thực hiện các thủ tục chuyển đổi chủ thể hợp đồng vay nói trên cho VSP.

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/6/2012 <u>Triệu đồng</u>	31/12/2011 <u>Triệu đồng</u>
Thuế giá trị gia tăng	72.871	305.514
Thuế xuất, nhập khẩu	4	840
Thuế thu nhập doanh nghiệp	118.525	295.570
Thuế thu nhập cá nhân	12.708	25.638
Các loại thuế khác	<u>32.325</u>	<u>72.847</u>
	<u>236.433</u>	<u>700.409</u>

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/6/2012 <u>Triệu đồng</u>	31/12/2011 <u>Triệu đồng</u>
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	-	8.759
Dự án Biển Đông	663.488	355.348
Dự án Chim Sáo	52.607	57.838
Khoản chi phí cho sự cố Riser của dự án FSO5	345.570	345.570
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú	125.830	176.208
Dự án Booster Compressor	49.192	192.981
Chi phí hoạt động tàu địa chấn 2D/3D	185.273	-
Lãi vay phải trả	161.430	196.755
Chi phí phải trả khác	<u>497.904</u>	<u>306.872</u>
	<u>2.081.294</u>	<u>1.640.331</u>



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	30/6/2012	31/12/2011
	Triệu đồng	Triệu đồng
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.113.887	1.046.460
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	-	156.892
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	6.292	6.292
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	113.850	113.850
Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam (“Vinashin”)	407.789	416.941
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí PVC - Trường Sơn	-	32.703
Tidewater Marine International, Inc	14.902	-
Công ty TNHH một thành viên 128	11.204	-
GULF MARINE FAR EAST (PTE) LTD	40.180	-
Công ty CP Đầu tư và Quản lý tài sản Á Châu	24.275	-
JSE Shipping Pte Ltd	23.338	-
Công ty TNHH một thành viên Cảng Thanh Hóa	39.339	-
Cổ tức phải trả	-	12.412
Khác	369.736	213.734
	2.164.792	1.999.284

Khoản phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam bao gồm các khoản chính như lãi phải trả vốn ủy thác là 86,7 tỷ đồng, phí quản lý năm 2011 là 17 tỷ đồng, cổ tức được chia từ lợi nhuận sau thuế năm 2010 là 153 tỷ đồng, cổ tức phải trả từ lợi nhuận sau thuế năm 2011 là 306 tỷ, Bến Cảng số 1 Dung Quất 113,4 tỷ đồng, tạm ghi giá trị chuyển nhượng Nhà máy đóng tàu Nhơn Trạch 355,6 tỷ đồng và khoản phải trả này sẽ được xử lý chuyển giao cho Công ty Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất.

Phải trả Vinashin là khoản thanh toán đợt cuối chi phí đóng mới công trình kho nổi chứa dầu FSO5.

20. PHẢI TRẢ DÀI HẠN NGƯỜI BÁN

Phải trả dài hạn người bán thể hiện khoản công nợ liên quan đến giá trị nhận chuyển nhượng tàu Bình Minh 02 từ Tổng Công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí. Khoản công nợ này không chịu lãi suất và được trả trong vòng 6 năm.

21. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Phải trả dài hạn khác bao gồm khoản công nợ phải trả cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam liên quan đến giá trị chuyển nhượng cảng Nghi Sơn - Thanh Hóa, khoản tiền nhận góp vốn từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm pin mặt trời bằng công nghệ màng mỏng hóa hơi dưới áp lực không khí (APP-CVD) với số tiền lần lượt là 277 tỷ và 17,8 tỷ đồng. Phần còn lại là khoản nhận ký quỹ của Khách sạn Dầu khí Vũng Tàu với giá trị 507 triệu đồng.

22. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/6/2012	31/12/2011
	Triệu đồng	Triệu đồng
Đồng Việt Nam	1.432.736	1.485.654
Đô la Mỹ	3.244.336	4.161.237
	4.677.072	5.646.891

Vay dài hạn bằng đồng Việt Nam bao gồm các khoản vay từ các ngân hàng: Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Công thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Liên Việt, Ngân hàng Thương mại

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Cổ phần Đại Dương, Tổng công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam, Ngân hàng Xuất nhập khẩu Việt Nam. Các khoản vay này có lãi suất vay từ 4%/năm đến 14,6%/năm.

Vay dài hạn bằng Đô la Mỹ bao gồm các khoản vay từ các ngân hàng: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Tokyo Mitsubishi UFJ Việt Nam, Ngân hàng Indovina, Tổng công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam, Ngân hàng Liên doanh Việt Nga, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương, Ngân hàng Công thương Việt Nam, Ngân hàng Bangkok, Ngân hàng Natixis, Ngân hàng Xuất nhập khẩu Việt Nam, CGGVeritas Services Holding. Các khoản lãi vay này có lãi suất vay từ 0%/năm đến 7,23%/năm.

Mục đích của các khoản vay dài hạn nhằm đầu tư nhà cửa vật kiến trúc và mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động kinh doanh, mua lại phần vốn góp vào cảng Phước An và PV Shipyard

Các khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ tiền vay, được Petro Việt Nam bảo lãnh hoặc không được bảo đảm.

Số dư các khoản vay bằng Đô la Mỹ tại ngày 30 tháng 06 năm 2012 tương đương 222.755.407 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 tương đương 199.790.522 Đô la Mỹ). Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/6/2012	31/12/2011
	<u>Triệu đồng</u>	<u>Triệu đồng</u>
Trong vòng 1 năm	868.323	2.324.095
Từ 1 năm đến 2 năm	995.049	780.284
Từ 3 năm đến 5 năm	2.287.783	1.882.951
Trên 5 năm	525.917	659.561
	<u>4.677.072</u>	<u>5.646.891</u>
Trừ số vay dài hạn phải trả trong vòng 1 năm (trình bày như vay ngắn hạn, xem Thuyết minh 16)	<u>(868.323)</u>	<u>(2.324.095)</u>
Số phải trả sau 12 tháng	<u>3.808.749</u>	<u>3.322.796</u>

23. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện khoản dự phòng bảo hành công trình tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC.

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần	30/6/2012	31/12/2011
- Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	298.205.146	298.205.146
- Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	297.802.094	297.802.094
+ <i>Cổ phần phổ thông</i>	297.802.094	297.802.094
- Số lượng cổ phần đang lưu hành	297.802.094	297.802.094
+ <i>Cổ phần phổ thông</i>	<u>297.802.094</u>	<u>297.802.094</u>

Tổng Công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Chi tiết vốn điều lệ tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

	Tại 30/6/2012		Tại 31/12/2011	
	Tỷ lệ %	Số cổ phần	Tỷ lệ %	Số cổ phần
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	51,38	153.000.000	51,38	153.000.000
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	7,52	22.407.800	7,52	22.407.800
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	5,44	16.200.000	5,44	16.200.000
Các cổ đông khác	35,66	106.194.294	35,66	106.194.294
	100	297.802.094	100	297.802.094

Theo Nghị quyết số 00530/NQ-DVKT ngày 25 tháng 6 năm 2012 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty, các thành viên Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty đã phê duyệt việc tăng Vốn điều lệ của Tổng Công ty từ 2.978 tỷ đồng lên 4.500 tỷ đồng. Tại ngày lập báo cáo này, Tổng Công ty chưa thực hiện các thủ tục tăng vốn.

Thay đổi của vốn chủ sở hữu trong giai đoạn như sau:

	Vốn điều lệ Triệu đồng	Thặng dư vốn cổ phần Triệu đồng	Chênh lệch tỷ giá hối đoái Triệu đồng	Các quỹ Triệu đồng	Lợi nhuận chưa phân phối Triệu đồng	Tổng Triệu đồng
Tại ngày 1/1/2011	1.988.034	486.293	14.744	798.450	237.748	3.525.269
Tăng vốn điều lệ	989.987	-	-	-	-	989.987
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	1.418.798	1.418.798
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	983	-	983
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	(15.510)	-	-	(15.510)
Giảm khác	-	-	-	-	(6.052)	(6.052)
Tại ngày 1/1/2012	2.978.021	486.293	(766)	799.433	1.650.494	5.913.475
Lợi nhuận trong giai đoạn	-	-	-	-	590.017	590.017
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	423.305	(423.305)	-
Chi từ các quỹ	-	-	-	(9.063)	-	(9.063)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(595.604)	(595.604)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	(518)	-	-	(518)
Phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(174.585)	(174.585)
Giảm khác	-	(71)	-	-	(9.176)	(9.247)
Tại ngày 30/6/2012	2.978.021	486.222	(1.284)	1.213.675	1.037.841	5.714.475

Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 353/NQ-DKKT-HĐQT ngày 21 tháng 4 năm 2012, các cổ đông của Tổng công ty đồng ý trích các Quỹ đầu tư phát triển là 328.736 triệu đồng, quỹ dự phòng tài chính là 58.195 triệu đồng, quỹ khen thưởng phúc lợi 174.585 triệu đồng và chia cổ tức là 595.604 triệu đồng từ lợi nhuận sau thuế của năm 2011.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

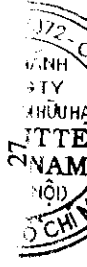
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÁU B 09 - DN/HN**25. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ**

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con. Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định như sau:

	Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình dầu khí biển PTSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí biển PTSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Quảng Bình	Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Khách sạn Dầu khí PTSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa	Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Đình Vũ	Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Đầu tư KT Cảng Phước An	Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC-CGGV	Tổng cộng			
Vốn điều lệ của công ty con (triệu đồng)	1.000.000	400.000	200.000	300.000	350.000	250.000	150.000	400.000	330.000	42.353	440.000	1.171.499	5.033.852
Trong đó:													
Vốn phần bỏ cho Tổng Công ty	962.416	339.807	102.000	285.581	208.645	237.200	145.603	218.773	167.000	18.360	250.000	597.817	3.533.202
Vốn phần bỏ cho cổ đông thiểu số	37.584	60.193	98.000	14.419	141.355	12.800	4.397	181.227	163.000	23.993	190.000	573.681	1.500.649
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số	3,76%	15,05%	49,00%	4,81%	40,39%	5,12%	2,93%	45,31%	49,39%	56,65%	43,18%	48,97%	



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÁU B 09 - DN/HN

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2012:

	Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình dầu khí biển PTSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	Công ty Cổ phần Cảng Dầu khí Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Cảng Dầu khí Bình Định	Công ty Cổ phần Khách sạn Dầu khí PTSC	Công ty Cổ phần Cảng Dầu khí Tổng hợp Thanh Hóa	Công ty TNHH Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC	Công ty Cổ phần Cảng Dầu khí Đình Vũ	Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí PVTECH	Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC- CCGV	Công ty Cổ phần Dầu khí KT Cảng Phước An	Tổng cộng Triệu đồng
Tổng tài sản	4.213.661	1.634.600	326.311	1.469.562	569.711	246.288	184.229	498.549	611.047	2.439.143	469.421	12.749.046
Tổng nợ phải trả	2.961.223	1.215.767	111.597	1.161.860	209.052	9.740	33.360	94.847	302.671	1.205.746	19.603	7.364.230
Tài sản thuần	1.252.438	418.833	214.714	307.702	360.659	236.548	150.869	403.702	308.376	1.233.397	449.818	5.384.816
Chi tiết như sau:												
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.000.000	400.000	200.000	300.000	350.000	250.000	150.000	400.000	330.000	1.171.499	440.000	5.033.852
Thặng dư vốn cổ phần	(2.481)	(73)	-	-	-	-	-	-	(140)	-	-	(140)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.593	1.755	903	2.489	4.401	-	384	1.015	-	-	1.371	(2.922)
Quỹ đầu tư phát triển	-	2.000	1.304	2.218	275	-	23	63	-	-	685	16.512
Quỹ dự phòng tài chính	10.123	-	-	-	-	-	-	-	-	-	7.645	7.017
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	241.203	15.151	12.507	2.995	5.983	(13.452)	462	2.624	(21.116)	61.898	117	18.217
Lợi nhuận chưa phân phối	47.132	62.760	104.230	14.787	144.980	12.220	4.428	183.747	152.667	603.992	194.398	1.551.738
Chỉ tiết như sau:												
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	37.584	60.193	98.000	14.419	141.355	12.800	4.397	181.227	163.000	573.681	190.000	1.500.649
Thặng dư vốn cổ phần	(96)	(11)	-	-	-	(3)	-	-	(69)	-	-	(69)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	516	264	442	120	1.777	11	11	460	(178)	-	592	4.466
Quỹ đầu tư phát triển	-	301	639	107	111	1	1	29	-	-	296	1.682
Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3.301	3.499
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	9.128	2.013	5.149	141	1.737	(577)	19	2.031	(10.086)	30.311	209	41.799
Lợi nhuận chưa phân phối												



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***MẪU B 09 - DN/HN**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Tài sản	Dịch vụ cung ứng tàu biển	Dịch vụ cung ứng FSO/PPSO	Khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng ROV	Dịch vụ cằng	Cơ khí đóng mới và xây lắp công trình biển	Sửa chữa, vận hành, lắp đặt và bảo dưỡng công trình biển	Dịch vụ khác	Loại trừ	Tổng cộng
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
Tài sản bộ phận	2.529.340	1.706.107	3.634.851	3.932.997	7.627.310	1.634.600	621.782	(5.037.638)	16.649.349
Lãi từ công ty liên kết									455.900
Tài sản không phân bổ									5.813.507
Tổng tài sản hợp nhất									<u>22.918.756</u>
Nợ phải trả									
Nợ phải trả bộ phận	3.198.856	525.678	2.586.382	3.368.424	6.164.290	1.988.098	1.331.310	(5.037.638)	14.125.400
Nợ phải trả không phân bổ									1.527.088
Tổng nợ phải trả hợp nhất									<u>15.652.488</u>

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

Doanh thu	Dịch vụ cung ứng tàu biển	Dịch vụ cung ứng FSO/PPSO	Khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng ROV	Dịch vụ cằng	Cơ khí đóng mới và xây lắp công trình biển	Sửa chữa, vận hành, lắp đặt và bảo dưỡng công trình biển	Dịch vụ khác	Loại trừ	Tổng cộng
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
Doanh thu thuần từ bán ra bên ngoài	2.385.457	180.945	1.462.860	645.007	5.786.907	687.186	280.788	-	11.429.150
Doanh thu thuần từ bán cho các bộ phận khác	91.500	3.492	43.040	199.260	230.580	403.500	84.944	(1.056.316)	-
Tổng doanh thu	2.476.957	184.437	1.505.900	844.267	6.017.487	1.090.686	365.732	(1.056.316)	11.429.150
Lợi nhuận gộp									
Lợi nhuận gộp bộ phận	214.581	37.869	134.311	167.289	334.669	72.840	(34.386)	-	927.173

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý
 Lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính
 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh
 Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác
 Phần lợi nhuận trong các công ty liên kết
 Lợi nhuận trước thuế
 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
 Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại
 Lợi nhuận trong giai đoạn

(317.166)
 31.893
 641.900
 23.810
 127.547
 793.257
 203.497
 (45.395)
635.155

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

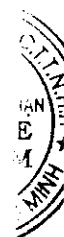
Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

27. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	Từ 1/1/2012	Từ 1/1/2011
	đến 30/6/2012	đến 30/6/2011
	Triệu đồng	Triệu đồng
Doanh thu bán hàng	3.391.636	7.253
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.350.767	5.098.799
Doanh thu hợp đồng xây dựng	5.686.747	5.991.818
	11.429.150	11.097.870
28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP	Từ 1/1/2012	Từ 1/1/2011
	đến 30/6/2012	đến 30/6/2011
	Triệu đồng	Triệu đồng
Giá vốn của hàng hóa đã bán	3.223.120	6.924
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.892.020	4.513.398
Giá vốn hợp đồng xây dựng	5.386.837	5.748.777
	10.501.977	10.269.099
29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ	Từ 1/1/2012	Từ 1/1/2011
	đến 30/6/2012	đến 30/6/2011
	Triệu đồng	Triệu đồng
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.533.452	3.784.132
Chi phí nhân công	1.200.692	922.650
Chi phí khấu hao tài sản cố định	646.054	391.476
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.640.700	4.612.288
Chi phí khác	527.457	1.923.600
	14.548.355	11.634.146
30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	Từ 1/1/2012	Từ 1/1/2011
	đến 30/6/2012	đến 30/6/2011
	Triệu đồng	Triệu đồng
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	179.958	113.116
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	570
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	40.692	188.549
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.342	4.496
	221.992	306.731
31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH	Từ 1/1/2012	Từ 1/1/2011
	đến 30/6/2012	đến 30/6/2011
	Triệu đồng	Triệu đồng
Chi phí lãi vay	117.096	128.359
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	8.904	223.713
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	27.380	163.158
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	14.757	-
Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn	644	(1.069)
Chi phí tài chính khác	21.318	235
	190.099	514.396



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***32. THU NHẬP KHÁC**

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 Triệu đồng	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 Triệu đồng
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	553	13.212
Thu từ bồi thường	2	301
Liên doanh MVOT trả chi phí thành lập	6.560	21.649
Lãi phạt MVOT chậm thanh toán	-	11.262
Tặng lợi thế kinh doanh	-	81.525
Chênh lệch do định giá tài sản	23	116.203
Chênh lệch giá trị tài sản đem đi góp vốn	27.719	-
Các khoản thu nhập khác	20.651	3.458
	55.508	247.610

33. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 Triệu đồng	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 Triệu đồng
Phạt, bồi thường	31	4.749
Chi thanh lý tài sản cố định	169	12.950
Giảm nguyên giá TSCĐ do đánh giá lại	-	9.044
Trích trước chi phí vật tư tàu Bình Minh 02	23.909	-
Các khoản chi phí khác	7.589	8.898
	31.698	35.641

34. LỢI NHUẬN/(LỖ) THUẬN TRONG CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 Triệu đồng	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 Triệu đồng
Công ty Cổ phần chế tạo Giàn khoan Dầu khí	748	-
Công ty Liên doanh Rồng Đồi MV12	9.215	8.234
Malaysia VietNam Offshore Terminal Limited	60.209	5.357
Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited	56.204	(65.290)
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình	359	1.512
Công ty Cổ phần Bảo vệ An ninh Dầu khí	812	3.730
	127.547	(46.457)

35. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 Triệu đồng	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 Triệu đồng
Lợi nhuận trước thuế	793.257	535.330
<u>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</u>		
Các khoản điều chỉnh giảm	(244.923)	(237.289)
Các khoản điều chỉnh tăng	257.236	60.528
Thu nhập chịu thuế	805.570	358.569
Thuế thu nhập doanh nghiệp	201.393	89.642
Điều chỉnh giảm thuế	(52)	(1.754)
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung	2.156	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	203.497	87.888

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 sẽ được tính và quyết toán chính thức vào cuối năm.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, một khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 25.563 triệu đồng được ghi nhận cho phần thu nhập được hưởng từ kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty liên doanh, liên kết.

36. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Tổng Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011
Lợi nhuận trong giai đoạn phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Tổng Công ty (Triệu đồng)	590.017	424.433
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Triệu đồng)	590.017	424.433
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	297.802.094	272.780.454
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	1.981	1.556

37. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động tàu tại Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí, thuê đất tại Vũng Tàu với mục đích làm văn phòng cho Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí và Công ty Cổ phần Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC không hủy ngang với tổng số tiền thuê là 4.689.885 triệu đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 3.448.933 triệu đồng). Các hợp đồng thuê tàu được ký với thời hạn từ 1 đến 5 năm tính từ năm 2012. Hợp đồng thuê đất tại Vũng Tàu được ký với kỳ hạn thuê là 50 năm tính từ năm 2002.

38. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Tổng Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2012 <u>Triệu đồng</u>	31/12/2011 <u>Triệu đồng</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.833.961	6.082.192
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.611.774	6.388.835
Đầu tư ngắn hạn	13.346	80.000
Đầu tư dài hạn khác	309.812	337.901
Tài sản tài chính khác	20.033	14.571
Tổng cộng	11.788.926	12.903.499

120
 CHI
 CỐ
 CHNI
 DEL
 VIỆ
 (TP)
 (TT)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2012	31/12/2011
	<u>Triệu đồng</u>	<u>Triệu đồng</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	4.905.702	5.885.897
Phải trả người bán và phải trả khác	5.946.839	6.684.916
Chi phí phải trả	2.081.294	1.640.331
Tổng cộng	<u>12.933.835</u>	<u>14.211.145</u>

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Tổng Công ty quản trị bằng chính sách cân đối nguồn thu và chi ngoại tệ nhằm đảm bảo giảm thiểu rủi ro về tỷ giá thông qua việc ký kết hợp đồng với các khách hàng theo đối ứng ngoại tệ phải trả cho nhà cung cấp và điều chỉnh linh hoạt giá bán hàng hoặc giá cung cấp dịch vụ khi có sự biến động lớn về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/6/2012	31/12/2011	30/6/2012	31/12/2011
	<u>Triệu đồng</u>	<u>Triệu đồng</u>	<u>Triệu đồng</u>	<u>Triệu đồng</u>
Đô la Mỹ ("USD")	996.204	6.482.772	2.471.221	5.473.572
Euro ("EUR")	40	-	476	1.294
Bảng Anh ("GBP")	731	-	-	-
Curon Na Uy ("NOK")	23	-	-	-
Đô la Singapore ("SGD")	797	-	-	126

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Tổng Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Tổng Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo**Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này được Tổng Công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn các nhà cung cấp hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau và phân bổ ở các khu vực địa lý khác nhau, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán và điều chỉnh giá bán cho người mua khi có biến động lớn về giá cả hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bổ ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả.

30/6/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
Phải trả người bán và phải trả khác	5.305.678	641.161	-	5.946.839
Chi phí phải trả	2.081.294	-	-	2.081.294
Các khoản vay	1.096.953	3.282.832	525.917	4.905.702
Tổng cộng	8.483.925	3.923.993	525.917	12.933.835
31/12/2011	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
Phải trả người bán và phải trả khác	5.517.509	1,167,407	-	6,684,916
Chi phí phải trả	1.640.331	-	-	1.640.331
Các khoản vay	2.563.101	2.663.235	659.561	5.885.897
Tổng cộng	9.720.941	3.830.642	659.561	14.211.144

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

30/6/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.833.961	-	-	5.833.961
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.611.208	566	-	5.611.774
Đầu tư ngắn hạn	13.346	-	-	13.346
Đầu tư dài hạn	35.881	273.931	-	309.812
Tài sản tài chính khác	17.405	2.628	-	20.033
Tổng cộng	11.511.801	277.125	-	11.788.926
31/12/2011	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.082.192	-	-	6.082.192
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.388.676	159	-	6.388.835
Đầu tư ngắn hạn	80.000	-	-	80.000
Đầu tư dài hạn	-	-	337.901	337.901
Tài sản tài chính khác	11.851	2.720	-	14.571
Tổng cộng	12.562.719	2.879	337.901	12.903.499

39. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong giai đoạn, Tổng Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Từ 1/1/2012	Từ 1/1/2011
	đến 30/6/2012	đến 30/6/2011
	Triệu đồng	Triệu đồng
Bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	4.722	296.040
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí Việt Nam	244.188	518.717
Tổng Công ty Khí Việt Nam	64.324	131.656
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	61.841	829
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	45.382	23.412
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	3.549	1.368
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	2.745	2.334
Tổng Công ty Cổ phần Phân đạm và hóa chất Dầu khí	-	12.312
Chi nhánh Petro Việt Nam - Công ty điều hành dầu khí biển Đông	228.986	35.508
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR)	118.681	565.963
Ban quản lý dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất	-	20.385
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	12.693	90.123
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	38.702	-
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP	16.456	-
Tổng Công ty Phân bón và hóa chất Dầu khí - CTCP	1.761	-
Nhận chuyển nhượng vốn góp		
Tổng công ty tài chính cổ phần dầu khí Việt Nam	-	58.000
Tổng công ty cổ phần xây lắp dầu khí Việt Nam	-	200.000
Chuyển nhượng vốn góp		
Công ty Công nghiệp tàu thủy Dung Quất	135.243	-
Chi phí lãi vay		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	56.800	84.065

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Thu nhập Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong giai đoạn:

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 Triệu đồng	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 Triệu đồng
Lương và các khoản thu nhập khác	11.247	7.042

Số dư với các bên liên quan:

	30/6/2012 Triệu đồng	31/12/2011 Triệu đồng
--	-------------------------	--------------------------

Các khoản phải thu

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	12.048	5.328
Tổng Công ty Thăm dò - Khai thác Dầu khí	137.568	340.403
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	755.122	301.518
Ban quản lý dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất	14.108	211.401
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	75.854	19.323
Tổng Công ty Cổ phần khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	39.445	25.820
Tổng Công ty Khí Việt Nam	403	24.778
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí	7.433	12.442
Tổng Công ty cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí	3.665	5.860
Tổng Công ty Dung dịch khoan & Hóa phẩm Dầu khí	11.141	7.337
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	354	3.095
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	21.627	-
Tổng Công ty cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	2.449	4.204
Tổng Công ty Cổ Phần Vận tải Dầu khí	1.532	6.324
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR)	57.911	66.653
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	13.306	25

Trả trước cho người bán

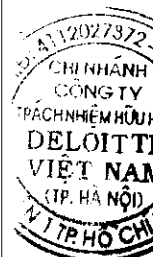
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp dầu khí	-	1.236
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	-	24.333
Tổng Công ty Công nghệ năng lượng Dầu khí Việt	1.380	1.424
Tổng Công ty Dung dịch khoan & Hóa phẩm Dầu khí	-	-

Các khoản phải thu khác

Công ty Cổ phần Đầu tư xây lắp dầu khí Duyên Hải	-	1.987
Cơ quan Tập đoàn	37.576	2.797
Ban quản lý dự án Nhiệt Điện Long Phú - Sông Hậu	224.598	-
Công ty Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	135.243	-
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí trong nước	148.719	-
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí (PVFC)	224.157	226.514

Phải trả

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	9.268	8.809
Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	3.564	11.052
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	40.241	55.443
Tổng Công ty Thăm dò - Khai thác Dầu khí	480.602	625
Tổng Công ty Cổ phần khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	82.839	30.386
Tổng công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam	6	-
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí	470	2.505
Tổng Công ty cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	42.816	44.148
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	141	1.504
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	13.033	13.187
Tổng Công ty Cổ Phần Vận tải Dầu khí	-	63
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	5.557	13.985



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

	30/6/2012 <u>Triệu đồng</u>	31/12/2011 <u>Triệu đồng</u>
Ban quản lý dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất	2.519	2.519
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	16.108	-
Tổng Công ty Công nghệ năng lượng Dầu khí Việt Nam - CTCP	20.725	-
Tổng Công ty Dung dịch khoan & Hóa phẩm Dầu khí - CTCP	1.282	-
Người mua trả tiền trước		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.159.031	-
Ban quản lý dự án điện lực dầu khí Long Phú Sông Hậu	-	898.486
Ban quản lý dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất	-	175.293
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	70.682	93.101
Tổng Công ty Cổ Phần Vận tải Dầu khí	-	2.819
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	-	13.030
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	526	-
Tổng Công ty Phân bón và hóa chất Dầu khí - CTCP	24	-
Vay dài hạn		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	1.035.837	1.031.453
Vay ngắn hạn		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	493.519	1.940.861

40. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 được Hội đồng Quản trị phê duyệt phát hành vào ngày 29 tháng 8 năm 2012.



Nguyễn Hùng Dũng
 Tổng Giám đốc
 Ngày 29 tháng 8 năm 2012

Nguyễn Xuân Cường
 Kế toán trưởng